

TÔN THẤT THUYẾT VỚI PHONG TRÀO CHỐNG PHÁP Ở TÂY THANH HÓA VÀ TÂY BẮC TỪ 1885 ĐẾN 1896

Phạm Văn Lực¹, Lê Thị Trà²

Tóm tắt: Tôn Thất Thuyết là “linh hồn” của phong trào Cần Vương ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX. Ông đã hai lần thay mặt vua Hàm Nghi xuống chiếu Cần Vương, lần thứ nhất ở Tân Sở (Quảng Trị) ngày 13/7/1885, lần thứ hai vào ngày 20/9/1885 tại Hương Khê (Hà Tĩnh). Từ đó phong trào Cần Vương phát triển mạnh mẽ và lan rộng khắp Bắc và Trung Kỳ. Ông cũng là người đã trực tiếp vận động các tù trưởng, tộc trưởng người dân tộc thiểu số ở vùng Tây Thanh Hóa và Tây Bắc nổi dậy chống Pháp hưởng ứng chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi. Để làm rõ vấn đề trên, bài viết tập trung làm rõ các ý sau: Vài nét về thân thế sự nghiệp của Tôn Thất Thuyết; Tôn Thất Thuyết trực tiếp vận động các tù trưởng, tộc trưởng người dân tộc thiểu số ở Tây Thanh Hóa và Tây Bắc nổi dậy chống Pháp hưởng chiếu Cần Vương cuối thế kỷ XIX. Trên cơ sở đó bài viết cũng rút ra một số kết luận về Tôn Thất Thuyết và phong trào chống Pháp ở Tây Thanh Hóa, Tây Bắc thời kỳ này.

Từ khóa: Tôn Thất Thuyết, tù trưởng, tộc trưởng, Thanh Hóa, Tây Bắc

1. MỞ ĐẦU

Tây Bắc dưới triều Nguyễn là tỉnh Hưng Hóa được thành lập vào năm 1831. Tỉnh Hưng Hóa lúc đó rất rộng lớn, bao gồm hầu hết các tỉnh: Phú thọ, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái, Hòa Bình và cả một phần của miền Tây Thanh Hóa hiện nay [4, tr.21].

Tây Bắc là địa bàn sinh sống lâu đời của 30 dân tộc anh em: Kinh, Mường, Thổ, Dao, Mông, Kháng, Khơ Mú, Mảng, Xinh Mun, Cơ Lao, La Chí, La Ha, Tày, Thái, Nùng, Lào, Lự, Giáy, Cao Lan, Sán Chỉ, Bô Y, Hoa, Sán Dìu, Cống, Hà Nhì, La Hủ, Lô Lô, Phù Lá, Si La, Pu péo [11, tr.55]. Các dân tộc Tây Bắc có đóng góp to lớn vào công cuộc lao động xây dựng đất nước và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là trong thời kỳ kháng Pháp cuối thế kỷ XIX. Được sự vận động trực tiếp của Tôn Thất Thuyết, các tù trưởng, tộc trưởng người dân tộc thiểu số ở Tây Thanh Hóa và Tây Bắc đã nổi dậy chống Pháp hưởng ứng chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi; phong trào phát triển mạnh mẽ, quyết liệt và cuốn hút được hầu hết các tù trưởng, tộc trưởng người dân tộc thiểu số trong Vùng tham gia. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào đã làm cho thực dân Pháp phải mất nhiều thời gian và tổn hao nhiều xương máu mới có thể thôn tính được Tây Bắc...; thế nhưng, cho đến

¹ Trường ĐHSP Hà Nội 2

² Sinh viên K47, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2

nay vẫn chưa có công trình, bài viết nào đề cập đến vấn đề này một cách hoàn chỉnh, hệ thống; nhiều vấn đề khoa học vẫn chưa được làm rõ¹.

Với cách tiếp cận hệ thống, khu vực và trên cơ sở các nguồn tài liệu bằng tiếng Việt, tiếng Pháp, chữ Thái cổ lưu trữ ở Trung ương, địa phương, cùng các công trình đã công bố²; bài viết tập trung làm rõ các nội dung sau: Vài nét về thân thế sự nghiệp của Tôn Thất Thuyết; Tôn Thất Thuyết trực tiếp vận động các tù trưởng, tộc trưởng người dân tộc thiểu số ở Tây Thanh Hóa và Tây Bắc nổi dậy chống Pháp hưởng chiếu Cần Vương cuối thế kỷ XIX. Trên cơ sở đó bài viết cũng rút ra một số kết luận về Tôn Thất Thuyết, cùng phong trào chống Pháp ở Tây Thanh Hóa và Tây Bắc thời kỳ này.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Vài nét về hoạt động của Tôn Thất Thuyết trước 1885

Tôn Thất Thuyết sinh ngày 29/3 năm Kỷ Hợi (12/5/1839) tại xóm Phú Mộng, xã Xuân Hòa, huyện Hương Trà (nay thuộc phường Kim Long – thành phố Huế) trong một gia đình có truyền thống binh nghiệp thuộc phòng 4 hệ 5 của dòng họ Nguyễn Phúc. Thân sinh là Đề đốc Tôn Thất Đình, thân mẫu là bà Văn Thị Thu.

Trong sự nghiệp của mình, ông được cử giữ nhiều chức vụ: Án sát tỉnh Hải Dương, Tán tương quân thứ Thái Nguyên rồi Tán lý quân thứ Sơn – Hưng – Tuyên, Tham tán, Hữu tham tri bộ Binh, Tuần phủ Sơn Tây, Tuần phủ, hộ lý Tổng đốc Ninh Thái kiêm Tổng đốc các việc quân Ninh, Thái, Lạng, Bằng, Hiệp đốc quân vụ đại thần, Thượng thư bộ Binh, Phụ chính đại thần, Điện tiền tướng quân, Thượng thư bộ Lễ, Thượng thư bộ Lại...

Ông luôn có chủ trương đánh Pháp, tháng 11/1873, quân của ông cùng quân của Lưu Vĩnh Phúc đánh bại quân Pháp ở Ô Cầu Giáy, Hà Nội, ông muốn thừa thắng tấn công địch nhưng triều đình muốn ông triệt binh về Sơn Tây, ông cự tuyệt, triều đình phải cử

¹ Ban dân tộc Khu tự trị Tây Bắc: *Nhân dân các dân tộc Tây Bắc chống thực dân Pháp xâm lược (1858-1930)*. Ban dân tộc khu tự trị Tây Bắc biên soạn năm 1972; Thị xã Sơn La bất khuất, Ban Tuyên giáo Thị ủy thị xã Sơn La biên soạn năm 1991; Phong trào chống Pháp ở Sơn La từ cuối thế kỷ XIX đến năm 1945, Luận án tiến sĩ của Phạm Văn Lực, tài liệu lưu tại Thư viện Trường ĐHSP Hà Nội và Thư viện Quốc gia; Lịch sử Tây Bắc từ nguồn gốc đến năm 2000, Đề tài cấp Bộ thực hiện từ năm 2009 đến năm 2011, tài liệu lưu tại Thư viện Trường ĐH Tây Bắc; Một số vấn đề lịch sử văn hóa Tây Bắc do TS. Phạm Văn Lực chủ biên, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội xuất bản năm 2011...

² Tài liệu chữ Thái cổ bao gồm nhiều loại như: Sử thi Táy Pú xắc (Sử thi của dân tộc Thái Tây Bắc – Mường Vương Chung ở Thuận Châu – Sơn La dịch năm 2007; Kể chuyện bản mường của các châu mường: Mường La, Mường Muối (Thuận Châu-Sơn La), Mường Sang (Mộc Châu-Sơn La), Mường Quài (Tuần Giáo-Điện Biên), Mường Muối (Mai Sơn-Sơn La), Mường Vạt (Yên Châu-Sơn La), Mường Lay – Điện Biên, Mường Lò – Yên Bái, Mường So – Lai Châu... Các tài liệu này do các nghệ nhân Cầm Trọng, Vi Liên, Hoàng Trần Nghịch, Sa Phong ở Sơn La dịch trong các năm 1991 – 2015, Tài liệu lưu tại Sở Văn hóa tỉnh Sơn La.

người đến bàn bạc ông mới chịu lui binh. Tháng 6/1874 khi được điều về Nghệ An đối phó với cuộc khởi nghĩa của Trần Tấn và Đặng Như Mai, song khi đến nhậm chức, ông tỏ ra thiện cảm và giúp đỡ phong trào Văn Thân Nghệ Tĩnh.

Sau khi Hàm Nghi lên ngôi, Tôn Thất Thuyết tích cực chuẩn bị cho việc đánh Pháp. Ông lập quân Phấn nghĩa và Đoàn kiệt, xây dựng căn cứ Tân Sở ở Quảng Trị và hệ thống sơn phòng, mua sắm tích trữ vũ khí, tăng cường phòng thủ kinh thành, khích lệ sỹ phu và văn thân và mở các cuộc đấu tranh không khoan nhượng với các phần tử chủ hòa, thân Pháp trong nội bộ Triều đình và Hoàng tộc.

Đêm ngày 4 rạng ngày 5 tháng 7 năm 1885, Tôn Thất Thuyết chủ động tổ chức tấn công quân Pháp đóng tại Tòa Khâm sứ, Trấn Bình Đài và khu nhượng địa. Cuộc tấn công thất bại, sáng ngày 5/7/1885, ông hộ giá vua Hàm Nghi rời bỏ kinh thành ra Quảng Trị và Hà Tĩnh, rồi phát động phong trào Cần Vương.

Đầu năm 1886, sau khi sắp xếp, ổn định bộ máy của Triều đình kháng chiến Hàm Nghi, ông ra Bắc vận động các sỹ phu, văn thân, tù trưởng các dân tộc thiểu số nổi dậy đánh Pháp. Đầu năm 1887, sang Trung Quốc cầu viện nhà Thanh, song Triều đình Mãn Thanh theo yêu cầu của Pháp đã quản thúc ông tại Quảng Đông. Ông mất tại Thiệu Châu (Trung Quốc) ngày 22/9/1913.

2.2. Tôn Thất Thuyết trực tiếp vận động các tù trưởng, tộc trưởng người dân tộc thiểu số ở Tây Thanh Hóa nổi dậy chống Pháp hưởng ứng Chiếu Cần Vương (1885–1896)

Đêm mùng 4 rạng sáng 5–7–1885, Tôn Thất Thuyết hạ lệnh tấn công quân Pháp ở tòa Khâm sứ và đồn Mang Cá. Quân Pháp lúc đầu rối loạn, đến sáng sau khi củng cố được tinh thần chúng mở cuộc phản công chiếm Hoàng thành. Đến 9 giờ sáng ngày 5/7/1885, Hoàng thành thất thủ. Chiếm được Kinh thành, quân Pháp ra sức đốt phá, cướp bóc, bắn giết. Hữu quân đô thống Hồ Văn Hiến và Nguyễn Văn Tường đưa vua Hàm Nghi rút ra khỏi kinh thành ở cửa Tây Nam. Hậu quân bảo vệ xa giá là Tôn Thất Thuyết, quân hộ tống xa giá gặp bộ phận đón của Tôn Thất Lệ ở Trường Thi (La Chũ) tổng cộng có hơn 100 người.

Sau đó ông đã đưa vua Hàm Nghi ra sơn phòng Tân Sở (Quảng Trị), ngày 13/7/1885 tại Tân Sở Tôn Thất Thuyết thay mặt vua Hàm Nghi xuống chiếu Cần Vương lần thứ nhất. Đến ngày 20/9/1885 tại sơn phòng Ấu Sơn (Hương Khê, Hà Tĩnh) xuống chiếu Cần Vương lần thứ hai. Lời chiếu nhấn mạnh *"người giàu đóng góp tiền của, người mạnh khoẻ đóng góp sức lực, người can đảm đóng góp cánh tay, để lấy lại đất nước trong tay quân xâm lược"* [16, tr.44].

Hai con trai của Tôn Thất Thuyết là Tôn Thất Đạm và Tôn Thất Thiệp cũng đều là chỉ huy trong phong trào Cần Vương. Cha mẹ, anh em, vợ và con rể của ông cũng tham gia góp sức cho phong trào.

Người Pháp treo giải 2000 lạng bạc cho ai nộp đầu Tôn Thất Thuyết và ai bắt được vua Hàm Nghi thì được thưởng 500 lạng bạc.

Mặc cho ba bà Thái hậu và nhiều quan lại kêu gọi đầu hàng và quay về triều đình, Tôn Thất Thuyết vẫn tuyên bố: *"Về Huế là tự mình đưa chân vào cho ngực thất, mà người cầm chìa khoá là quân Pháp. Thừa nhận Hiệp ước 1884 là dâng nước Nam cho kẻ địch. Đánh rằng hoà bình là quý, nhưng không lo khôi phục sẽ mang tiếng là đã bỏ giang sơn của tiền triều dày công gây dựng và còn có tội với hậu thế"* [16, tr.44]

Để thiết thực khích lệ văn thân, sĩ phu hưởng ứng chiếu Cần Vương giúp vua cứu nước, cùng ngày 13/7/1885 Tôn thất Thuyết thay mặt vua Hàm Nghi có dụ khai phục và thăng chức cho các quan văn, võ ngoài Bắc; trong đó, Nguyễn Quang Bích được phong vượt cấp làm Thượng thư bộ lễ sung Hiệp thống quân vụ Bắc Kỳ, có toàn quyền chọn dùng quan văn võ các cấp. Đặc biệt, ngày 19/8/1885 Nguyễn Quang Bích được vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết giao nhiệm vụ cầm Quốc thư sang Trung Quốc cầu viện chống Pháp. Hoàn thành nhiệm vụ Nguyễn Quang Bích nhanh chóng về nước tiếp tục nhiệm vụ lãnh đạo phong trào chống Pháp ở Tây Bắc [9, tr.71].

Sau khi giúp vua Hàm Nghi xây dựng căn cứ lãnh đạo phong trào kháng Pháp, nhận thấy tương quan lực lượng quá chênh lệch, vào tháng 2 năm 1886, Tôn Thất Thuyết đã để cho hai con trai là Tôn Thất Thiệp và Tôn Thất Đạm tiếp tục phò tá Hàm Nghi chống Pháp, còn mình cùng với Trần Xuân Soạn và Ngụy Khắc Kiều tìm đường cầu viện, vượt Hà Tĩnh rồi Nghệ An, đến tháng 3 năm 1886 ông tới Thanh Hoá. Dừng chân tại Cẩm Thủy một thời gian, Ông cùng Trần Xuân Soạn và em ruột Tôn Thất Hàm thảo luận về kế hoạch khởi nghĩa; rồi giao cho Trần Xuân Soạn ở lại lo phát triển phong trào ở Cẩm Thủy (Thanh Hóa). Sau đó, dựa vào mối quan hệ giữa Ông với các tù trưởng, tộc trưởng ở vùng cao Thanh Hóa và Tây Bắc từ khi làm Tán tương quân thứ Thái Nguyên và Tán lý quân thứ Sơn (Sơn Tây) – Hưng (Hưng Hóa – Tây Bắc) – Tuyên (Tuyên Quang) [17, tr.55]; Tôn Thất Thuyết đã đến tổng Trịnh Vạn thuộc châu Thường Xuân (Thanh Hóa) đàm đạo với Cầm Bá Thước về việc nổi dậy chống Pháp và Ông đã ở lại đó cho đến ngày 22 tháng 4 năm 1886. Từ đây ông cũng qua thượng lưu sông Mã, đến châu Quan Hóa để gặp tù trưởng người Mường là Hà Văn Mao, hai người cùng đàm đạo và thống nhất nổi dậy hưởng ứng chiếu Cần vương chống Pháp.

Qua hội đàm với Tôn Thất Thuyết, Cầm Bá Thước cùng Hà Văn Mao và một số tù trưởng, tộc trưởng người dân tộc thiểu số ở vùng cao Thanh Hóa đã thống nhất nổi dậy chống Pháp hưởng ứng chiếu Cần Vương:

** Phong trào của Cầm Bá Thước*

Theo sách “*Văn quan, võ tướng xứ Thanh*” của Trần Văn Thịnh [17, tr.55], Cầm Bá Thước là người dân tộc Thái. Ông sinh năm 1858 ở bản Lùm Nưa tổng Trịnh Vạn (nay là xã Vạn Xuân) trong một gia đình lang đạo nhiều đời. Từ nhỏ đã thông minh, chăm chỉ học chữ, đọc sách. Lớn lên, Cầm Bá Thước kế nghiệp cha mình trở thành thổ ty và được triều đình nhà Nguyễn lúc bấy giờ phong chức Bang biện trông coi hai châu Thường Xuân và Lang Chánh.

Nửa cuối thế kỷ 19, với dã tâm của kẻ xâm lược, đất nước ta đã từng bước rơi vào tay thực dân Pháp. Đặc biệt, năm 1885, sau khi quân triều đình nhà Nguyễn tập kích vào đồn Mang Cá tấn công giặc Pháp bị thất bại, kẻ thù phản công khiến kinh thành Huế thất thủ. Quan đại thần Tôn Thất Thuyết buộc phải đưa vua Hàm Nghi ra sơn phòng Tân Sở (Quảng Trị) lánh nạn, đồng thời xuống chiếu Cần vương kêu gọi toàn dân đánh Pháp.

Là Bang biện quân vụ, Cầm Bá Thước “nắm” được lực lượng quân sự thổ binh, dân binh của hai châu Thường Xuân và Lang Chánh và chính quê hương Trịnh Vạn trở thành căn cứ để ông chiêu mộ nghĩa quân khởi nghĩa chống giặc, cứu nước. Lực lượng nghĩa quân lúc đầu là đồng bào các dân tộc ở châu Thường Xuân, họ chủ yếu là người dân trong dòng họ, thanh niên trai tráng trong bản... tham gia nghĩa quân với danh nghĩa bảo vệ gia đình, dòng họ, quê hương. Nhưng không dừng lại ở đó, với tư cách Bang biện, Cầm Bá Thước đã liên kết với những người có uy tín, thế lực trong vùng thời bấy giờ như: Lý trưởng Chiềng Ngà Lê Trạch Nhung; Lý trưởng Lùm Nưa Lò Văn Như; Lý trưởng Hà Văn Vạn ở làng Cọc; Lò Văn Piềng; Hà Văn Liêu; Cầm Bá Lá... Ông còn liên kết với nghĩa quân Hà Văn Mao ở Bá Thước; Tống Duy Tân ở Vĩnh Lộc.

Theo sách “*Văn quan, võ tướng xứ Thanh*” của Trần Văn Thịnh [17, tr.55], trên cơ sở tập hợp lực lượng và chuẩn bị kỹ cho cuộc khởi nghĩa, đến cuối năm 1885, Cầm Bá Thước đã tổ chức căn cứ Trịnh Vạn cùng hệ thống tiền đồn với số quân hàng trăm người. Đặc biệt, cuộc khởi nghĩa do Cầm Bá Thước lãnh đạo còn nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của người dân các dân tộc trong và ngoài tỉnh. Trong đó ông Tạo Công ở Sầm Tớ (Lào) đã cung cấp nhiều thực phẩm như lúa, gạo, sâm, nhung, quế. Từ đây, Cầm Bá Thước tổ chức xưởng sản xuất vũ khí để chế tạo súng kíp, súng hỏa mai, giàn bắn đá, tên tẩm thuốc độc, cung nỏ với 50 thợ thủ công, thợ rèn từ khắp mọi nơi tập trung về đây đêm ngày miệt mài làm việc.

Chỉ sau chưa đầy một năm, Cầm Bá Thước đã xây dựng Trịnh Vạn trở thành căn cứ vững chắc với ba con đường thông hiểm yếu. Cả ba con đường đều nằm dọc sông suối và hai bên là rừng rậm, núi đá với vách dựng đứng; một hệ thống đồn chốt nằm dọc tuyến để bảo vệ cho căn cứ như các đồn: Bù Lẹ, Bù Đôn, Hồn Đôn, Cửa Đặt, Nhân Trầm...

Quân Pháp mỗi khi tiến vào căn cứ Trịnh Vạn đều bị nghĩa quân ở các đồn chốt ngăn chặn, tiêu diệt.

Cuối năm Ất Dậu 1885, quan đại thần Tôn Thất Thuyết và Tả quân đô thống Trần Xuân Soạn được Vua Hàm Nghi phái ra Bắc chỉ đạo phong trào Cần vương chống Pháp.

Khi dừng lại tại xứ Thanh để gặp mặt các thủ lĩnh Cần Vương trong tỉnh, Cầm Bá Thước được giao chức Tán lý quân vụ châu Thường Xuân. Sang đầu năm 1886, tại hội nghị Bồng Trung, Cầm Bá Thước được Trần Xuân Soạn – người trực tiếp lãnh đạo phong trào Cần vương ở Thanh Hóa (do Vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết chỉ định) giao trách nhiệm cùng Tổng Duy Tân phụ trách sơn phòng Thanh Hóa – tổ chức kháng Pháp ở khu vực miền núi xứ Thanh [17, tr.57].

Cũng theo sách *Văn quan võ tướng xứ Thanh* [17, tr.71], được sự điều động của Trần Xuân Soạn, tháng 2 năm Bính Tuất, Cầm Bá Thước cùng Hà Văn Mao dẫn quân xuống đồng bằng để hỗ trợ việc tấn công vào Hạc Thành do quân Cần vương của ba huyện Nông Cống, Quảng Xương, Đông Sơn làm chủ lực. Cuộc tấn công tuy không giành được thắng lợi hoàn toàn song đã làm giặc Pháp bị tổn thất một số tướng sĩ, vũ khí và không khỏi hoảng loạn trước tinh thần kháng Pháp mạnh mẽ của Nhân dân ta. Chính vì vậy, sau đó không lâu quân Pháp tại Thanh Hóa đã mở cuộc càn quét nhằm dập tắt phong trào Cần vương.

Sau khi căn cứ Ba Đình bị “vỡ”, Cầm Bá Thước thu quân trở về châu Thường Xuân, củng cố căn cứ Trịnh Vạn, suối Bọng, đồng thời phối hợp với nghĩa quân Hùng Lĩnh của Tổng Duy Tân đánh Pháp ở một vùng rộng lớn từ Vĩnh Lộc sang Thọ Xuân đến Nông Cống. Theo sách *Văn quan võ tướng xứ Thanh* [17, tr.71], đầu năm 1892, nghĩa quân Tổng Duy Tân phối hợp với quân của Cầm Bá Thước đánh vào các đồn giặc Pháp ở khu vực miền núi khiến kẻ thù gặp nhiều tổn thất. Thế nhưng, do tương quan lực lượng quá chênh lệch, vũ khí thô sơ, lại bị bao vây cô lập; nghĩa quân của Cầm Bá Thước phải chiến đấu trong hoàn cảnh ngày một khó khăn hơn; đặc biệt, do bị nội gián nên ngày 13–5–1895, thủ lĩnh Cầm Bá Thước cùng gia quyến bị thực dân Pháp vây bắt và sát hại.

Tương truyền, trên đường giải Cầm Bá Thước về đồng bằng, thực dân Pháp đã nhiều lần dụ dỗ, mua chuộc, mang chức tước, bổng lộc ra hòng khiến ông lung lay. Tuy nhiên, người con anh dũng của đất mừng Trịnh Vạn lúc bấy giờ đã khẳng khái: “Tao chỉ làm quan với dân tao”. Và theo lưu truyền dân gian, lý do đền thờ Cầm Bá Thước được lập dựng ngay nơi ngã ba hợp lưu của sông Chu và sông Đập là bởi, khi Cầm Bá Thước bị dẫn giải về đến đây – tức Cửa Đập, biết không thể sống sót, ông đã bẻ một cành quế của vùng đất châu Thường Xuân rồi ném xuống đất mà rằng: “Sau này hãy làm miếu thờ ta ở đất này” [17, tr.71].

* *Phong trào chống Pháp của Hà Văn Mao*

Sau khi hội đàm với Cầm Bá Thước, ngày 22 tháng 4 năm 1886, Tôn Thất Thuyết vượt thượng lưu sông Mã, đến châu Quan Hóa để gặp Hà Văn Mao [17, tr.76]. Sau cuộc hội kiến với Tôn Thất Thuyết, Hà Văn Mao đồng ý tham gia phong trào chống Pháp và được Tôn Thất Thuyết phong làm Tán lý, chỉ huy nghĩa quân chống Pháp ở miền tây Thanh Hóa. Ông cho xây dựng căn cứ ở Mã Cao (Yên Định), từ đó phát triển và chỉ huy nghĩa quân đánh Pháp ở Bái Thượng, La Hán, Thọ Xuân.

Từ 18 tháng 12 năm 1886 đến 20 tháng 1 năm 1887, đại tá Brissand chỉ huy quân Pháp tiến đánh căn cứ Ba Đình. Dù kiên cường chiến đấu, nhưng do tương quan so sánh lực lượng quá chênh lệch, lại bị quân Pháp bao vây cô lập, nghĩa quân Ba Đình bị thương vong nặng và buộc phải mở đường máu phá vòng vây rút về căn cứ Mã Cao để nhập với nghĩa quân của Hà Văn Mao, củng cố lực lượng và chuẩn bị chiến đấu. Đến sáng ngày 21 tháng 1 năm 1887, căn cứ Ba Đình thất thủ.

Sau triệt hạ hoàn toàn cả ba làng của căn cứ Ba Đình, Pháp tiếp tục cho quân truy kích nghĩa quân ở Mã Cao. Tại đây, bộ chỉ huy nghĩa quân được tổ chức lại dưới quyền chỉ huy của Hà Văn Mao cùng một số thủ lĩnh của căn cứ Ba Đình [17, tr.77]. Do địa hình hiểm trở, căn cứ Mã Cao cầm cự được đến tận mùa thu năm 1887 mới bị quân Pháp phá vỡ.

Căn cứ Mã Cao thất thủ, các toán nghĩa quân tan rã về các địa phương. Riêng cánh quân của Hà Văn Mao, Tống Duy Tân và Cầm Bá Thước theo hướng Thung Voi, Thung Khoai, rút về Diên Lư, Niên Kỳ (nay thuộc huyện Bá Thước), tiếp tục chống Pháp, nhưng lực lượng cũng bị suy giảm nhiều.

Nhìn chung, được sự vận động trực tiếp của Tôn Thất Thuyết, phong trào chống Pháp ở vùng cao Thanh Hóa phát triển mạnh mẽ quyết liệt, tiêu biểu nhất là hai phong trào của Cầm Bá Thước (huyện Thường Xuân) và Hà Văn Mao (huyện Quan Hóa). Thế nhưng, do tương quan lực lượng quá chênh lệch, vũ khí thô sơ, lại bị bao vây cô lập; chính trong hoàn cảnh khó khăn đó, một số thủ lĩnh và nghĩa quân không chịu được gian khổ đã ra đầu thú và làm nội gián đưa đường cho Pháp đàn áp nghĩa quân. Đến cuối 1896, về cơ bản các phong trào chống Pháp ở vùng cao Thanh Hóa đều bị dập tắt.

2.3. Tôn Thất Thuyết trực tiếp đàm đạo với Đèo Văn Trị, Nguyễn Quang Bích về việc cầu viện Trung Quốc và lập căn cứ chống Pháp ở Tây Bắc từ 1885 đến 1896

Sau khi vận động được Cầm bá Thước và Hà Văn Mao ở miền Tây Thanh Hóa, tháng 6 năm 1886, Tôn Thất Thuyết tiếp tục lên vùng Sơn La, Lai Châu để vận động thủ lĩnh Thái trắng là Đèo Văn Trị nổi dậy chống Pháp hưởng ứng chiếu Cần Vương. Điểm dừng chân lâu nhất của Ông ở Tây Bắc cũng tại nhà tù trưởng Đèo Văn Trị từ tháng 6.1886 đến 2.1887. Tại đây Tôn Thất Thuyết cũng cho người mời Tuần phủ tỉnh Hưng

Hóa là Nguyễn Quang Bích đến đàm đạo về việc xây dựng căn cứ chống Pháp ở Tây Bắc và tiếp tục xúc tiến việc đi Trung Quốc cầu viện [9, tr.67].

Sau hơn 8 tháng kể từ khi Nguyễn Quang Bích mang Quốc thư sang Trung Quốc cầu viện (19/8/1885), chờ mãi mà không có tin tức gì từ phía Trung Quốc, tháng 5 năm 1886, Tôn Thất Thuyết đã đích thân lên đường sang Trung Quốc cầu viện, cùng đi có Đèo Văn Tri và Nguyễn Quang Bích. Chuyến đi hết sức gian truân, nhưng được hai người bạn của Nguyễn Quang Bích là Chu Lăng Thục (tự Thiết Nhai) và Nguyễn Hội (tự Khê Ông) giúp đỡ đoàn tích cực; riêng Nguyễn Hội (tự Khê Ông) nắm giữ chức Án sát sứ tỉnh Sơn Tây sung Tán tương quân vụ, không may gặp nguy hiểm đã bị chết trên đường đi. Thế nhưng, cuối cùng chuyến đi cũng không mang lại kết quả gì đáng kể, ngoài một số súng đạn ít ỏi và những lời hứa của Sầm Dục Anh. Thất vọng và liệu thể trở về nước có nhiều nguy hiểm, vì thực dân Pháp đã bắt đầu khóa chặt biên giới hai nước theo quy định của Hiệp định Thiên Tân (9/6/1885), Tôn Thất Thuyết đành ở lại Trung Quốc, còn Đèo Văn Tri, Nguyễn Quang Bích phải tìm cách đi đường mòn, luồn rừng, vượt suối trở về căn cứ để tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến.

Riêng Tôn Thất Thuyết ở lại Trung Quốc đã tìm cách liên hệ với các văn thân sĩ phu như Nguyễn Thiện Thuật cũng vừa từ trong nước sang và tiếp tục vận động những người bạn Trung Quốc, cùng một số quan lại trong triều đình phong kiến Mãn Thanh giúp đỡ nhân dân Việt Nam chống Pháp. Lúc này tại Thanh Hóa, cuộc khởi nghĩa Ba Đình bị dập tắt, căn cứ của Trần Xuân Soạn bị mất, nên ông Soạn cũng đã vượt biên sang Trung Quốc gặp Tôn Thất Thuyết tại Quảng Đông. Việc cầu viện nhà Thanh của Tôn Thất Thuyết không thành, nhưng nhờ vào tình cảm cá nhân của một số quan lại Mãn Thanh chống Pháp, nên Tôn Thất Thuyết đã cùng các đồng sự của ông tổ chức liên lạc với các phong trào chống Pháp ở trong nước, mua sắm vũ khí, đạn dược mang về cho nghĩa quân. Tôn Thất Thuyết đã tổ chức đường dây liên lạc với các cuộc khởi nghĩa ở trong nước, quyên góp, chiêu mộ binh dũng; trâu bò, lúa gạo từ Việt Nam được chuyển sang Trung Quốc và đổi lấy vũ khí đưa về cho nghĩa quân. Hoạt động của Tôn Thất Thuyết và Trần Xuân Soạn ở Quảng Đông rầm rộ đến nỗi quan lại Việt Nam thuộc tỉnh Lạng Sơn hay biết. Tháng 9/1888, tỉnh Lạng Sơn báo cáo về triều đình Đồng Khánh rằng: “*Lê Thuyết (tức Tôn Thất Thuyết) và Trần Xuân Soạn, lên đến một dải Liên Thành, Bằng Tường nước Thanh nhập bọn với Lương Tuấn Tú và bọn Hoàng Văn Tường thuộc khách tỉnh ấy, cùng nhau tụ họp*”, “*Lê Thuyết ở nước Trung Hoa, giả làm quan nước Thanh, chiêu mộ binh dũng...*” [15, tr.211].

Việc tiếp tế này duy trì mãi đến năm 1894 thì kết thúc do biên giới Việt – Trung bị khoá. Tổng Duy Tân sau khi thất bại ở Thanh Hóa đã sang Quảng Đông gặp Tôn Thất

Thuyết, nhưng năm 1888 ông lại cử Tống Duy Tân về xây dựng căn cứ chống Pháp ở Hùng Lĩnh.

Năm 1889, Tôn Thất Thuyết cử người về Hà Tĩnh và phong cho Phan Đình Phùng làm Bình Trung tướng quân. Hầu hết các tướng lĩnh vùng Đông Bắc và Bắc Kỳ đều có sự liên lạc với Tôn Thất Thuyết. Về sau do yêu cầu của thực dân Pháp, triều đình phong kiến Mãn Thanh đã quản thúc ông tại Long Châu (Quảng Đông) và ông mất tại đây vào ngày 22 tháng 9 năm 1913. Khi ông mất, Đại thần nhà Thanh là Lý Căn Nguyên ở Bắc Kinh xót thương ông trung liệt, đã cho xây mộ và dựng bia ông ở Thiên Quang. Nhân sĩ Quảng Châu có câu đối điều ông:

Thù Tây bất cộng đái thiên, vạn cổ anh hồn quy Tượng Quận

Hộ giá biệt tâm tình địa, thiên niên tàn cốt kí Long Châu

(Thù Tây chẳng đội trời chung, muôn thuở anh hồn về quận Tượng

Giúp chúa riêng tìm cội thác, nghìn năm xương nát gởi Long Châu) [15, tr.233]

Trong thời gian chủ tướng Nguyễn Quang Bích đi vắng (đi Trung Quốc), nghĩa quân ở nhà vẫn không ngừng hoạt động. Nguyễn Văn Giáp nhiều lần chủ động tấn công các đồn lẻ của địch trong vùng, hay bám trụ vững chắc đánh lui nhiều lần địch đột nhập căn cứ. Có một số trận lớn như Thanh Mai (tháng 6 năm 1885), Tuần Quán (đầu năm 1886), Tiên Động (tháng 6 năm 1886), v.v...

Nguyễn Quang Bích từ Trung Quốc về nước chọn đặt đại bản doanh tại núi Nghĩa Lộ (châu Văn Chấn Yên Bái) nơi đây địa thế hiểm trở, có núi cao suối sâu bao bọc, dân cư trù mật, các đường dẫn vào đều có quân đóng giữ [2, tr.94]. Thanh thế nghĩa quân lúc này lên cao, các thủ lĩnh xa gần như Đề Kiêu, Đốc Ngữ (Nguyễn Đình Ngữ) ở Hưng Hóa – Phú Thọ – Hòa Bình; Đề Cương (Hoàng Đình Cương), Đề Cơ, Đề Anh ở Sơn Tây; Đề Vận, Đề Vĩnh ở Bắc Ninh; Đề Vũ ở Nam Định; Lãnh Hoan (Vũ Văn Hoan), Đốc Nhuồng (Đình Quang Nhuồng), Đốc Đen, Bùi Như Quảng ở Thái Bình... đều tự nguyện đặt dưới sự chỉ huy của ông [9, tr.78]. Còn các trung tâm khác của phong trào Cần Vương trong cả nước như Phan Đình Phùng (Hà Tĩnh), Tống Duy Tân, Hà Văn Mao (Thanh Hóa), Nguyễn Thiện Thuật (Hưng Yên), v.v... đều có mối liên lạc chặt chẽ với Nguyễn Quang Bích [18].

Riêng ở Tây Bắc, các thủ lĩnh người dân tộc thiểu số như: Đèo Văn Trì, Đèo Văn Toa ở Lai Châu; Đèo Văn Sanh ở Điện Biên; Nguyễn Văn Quang (Nghĩa Lộ), Cầm Văn Thanh (Mai Sơn – Sơn La), Cầm Bun Hoan (Mường La – Sơn La), Sa Văn Nội (Mộc Châu – Sơn La)... đã hưởng ứng phong trào rất tích cực.

Lực lượng hậu cần của nghĩa quân lúc này cũng được tích lũy dồi dào hơn, nhân dân các châu huyện xung quanh nô nức gánh lương thực về nộp, lập kho dự trữ, tích cực bảo đảm cho cuộc chiến đấu lâu dài. Đồng bào các dân tộc ít người (Thái, Mường, Mèo, Dao) đều nhiệt liệt đi theo. Thanh thế nghĩa quân nhờ đó ngày càng lên cao, quân Pháp mấy lần kéo quân lên can quét hai huyện Văn Bàn và Văn Chấn (đầu tháng 12 năm 1886),

đánh thọc sâu vào Đại Lịch (tháng 1 năm 1887), đều bị nghĩa quân phục kích dữ dội trên đường hành quân, chúng thiệt hại nặng phải rút lui.

Thất bại về quân sự, giặc Pháp xoay ra dùng thủ đoạn chính trị. Chúng một mặt dùng quân đội đàn áp, một mặt cho tay sai là Bồ chánh nguy tỉnh Hưng Hóa và Tri phủ Lâm Thao đến dụ dỗ, mua chuộc. Nhưng trước sau Nguyễn Quang Bích đều cương quyết cự tuyệt. Tháng 11 năm 1887, giặc Pháp tấn công vào đại bản doanh nghĩa quân tại Nghĩa Lộ.

Lần này, chúng cũng bị đánh lui, nhưng vài ngày sau đó một tổn thất lớn đã đến với nghĩa quân: Phó tướng Nguyễn Văn Giáp bị bệnh nặng mất. Bước sang năm 1888, tình hình Tây Bắc ngày thêm khó khăn. Mở rộng phạm vi đánh chiếm, giặc Pháp sau khi lần lượt chiếm Yên Bái (tháng 3 năm 1886), Lào Cai (tháng 5 năm 1886), Phong Thổ (đầu năm 1887), kéo quân đến Lai Châu để tới Điện Biên Phủ, rồi tiến xuống Sơn La (đầu năm 1888), đầu tháng 7 năm 1888, chúng bất ngờ tấn công lần thứ hai vào Nghĩa Lộ. Lần này cũng như lần trước, chúng bị quân ta phục kích tiêu diệt nặng nên chỉ hai ngày sau đã phải rút quân. Nguyễn Quang Bích trước đó đã tạm lánh vào châu Phù Yên (huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, tức Vĩnh Phúc ngày nay), đợi giặc rút hết, ông lại trở về căn cứ chuẩn bị những đợt chiến đấu mới. Và chỉ mấy ngày sau, nghĩa quân đã thắng to ở Dụ Phong (thuộc Vĩnh Phúc ngày nay), chém được mười ba đầu lính Tây đưa về; lính Pháp và lính nguy vừa bị thương vừa bị chết tại trận đến năm, sáu trăm tên, nghĩa quân đã thu được nhiều quân trang, quân dụng và vũ khí của địch [18].

Mặc dù giành được thắng lợi mới nhưng tình hình nghĩa quân ngày càng gặp nhiều khó khăn. Giặc Pháp đã xiết chặt thêm vòng vây, việc giải quyết tiếp tế lương thực cho nghĩa quân gặp muôn vàn trở ngại. Biết rằng trước sau thế nào quân giặc cũng sẽ đánh đòn quyết định, Nguyễn Quang Bích đã nói cùng tướng sĩ dưới quyền rằng: chúng từng đột nhập và đánh quân trong căn cứ nên đã thông thạo địa hình, đường đi lối lại đã tỏ tường, nên trong tương quan lực lượng đôi bên bây giờ nghĩa quân không thể bám trụ ở Nghĩa Lộ được. Quân thứ vì vậy phải di chuyển luôn, hết Sơn Động (tháng 5 năm 1888), lại Sơn Lương (tháng 8 năm 1888) và cuối cùng về Quế Sơn, cả ba địa điểm trên đều thuộc châu Yên Lập (tức Vĩnh Phúc ngày nay).

Đến tháng 9 năm 1888 thì quân Pháp tấn công vào Nghĩa Lộ, nhưng quân ta đã kịp thời chủ động rút lui để bảo toàn lực lượng, rồi sau đó bao vây dồn chúng vào thế vô cùng nguy ngập, mọi cánh quân kéo tới giải vây đều bị đánh tan; đồng thời đẩy mạnh các hoạt động phối hợp với mặt trận chính, các toán nghĩa quân rải rác ở các địa phương đều phục kích đánh giặc trên đường chúng hành quân, hay tiến hành chống càn thẳng lợi.

Tháng 9 năm 1889, Nguyễn Quang Bích tập hợp các tướng sĩ bố trí một trận phục kích lớn, chờ quân giặc liều lĩnh đi sâu vào trận địa thì nổ súng. Trận này nghĩa quân thắng to, giặc vừa bị thương vừa bị chết khá đông, nghĩa quân thu được nhiều đạn dược cùng súng ống của địch. Nhưng mặc dù vậy, trước khí thế ngày càng mạnh của giặc vốn đã có ưu thế về vũ khí, lại ngày càng thực hiện triệt để chiến thuật bao vây khoanh vùng để cô lập nghĩa quân, triệt đường tiếp tế, kết hợp chặt chẽ với thủ đoạn khủng bố nhân

dân và chia rẽ các dân tộc trong vùng, cuối cùng nghĩa quân phải dời đại bản doanh về đóng ở khe núi Tôn Sơn, xã Mộ Xuân, cũng thuộc châu Yên Lập.

Đã thế, trong thời gian này, chủ tướng Nguyễn Quang Bích lại đau ốm liên miên. Lượng sức mình khó lòng qua khỏi, ông đã căn dặn người nhà và những người thân cận: "Ta đã đem thân hứa quốc, không cần người đi lại thăm nom vô ích, sau này, nếu có nhớ đến ta, cứ lấy ngày thành Hưng Hóa thất thủ làm ngày giỗ".

Cuối năm 1889, trong một cố gắng cuối cùng, ông ra lệnh cho các tướng sĩ cùng các quân thứ chuẩn bị chu đáo cho cuộc tấn công lớn năm sau. Không ngờ đến ngày 5 tháng 1 năm 1890 (tức ngày 15 tháng Chạp năm Kỷ Dậu), ông đột nhiên chuyển bệnh nặng, rồi mất tại đại bản doanh ở núi Tôn Sơn. Thi hài ông được quân sĩ trân trọng chôn cất trên ngọn núi Tôn Sơn.

Tin ông mất từ căn cứ truyền ra, sĩ phu văn thân cũng như nhân dân các địa phương đều tỏ lòng thương tiếc. Nhưng hơn một năm rưỡi sau thực dân Pháp mới biết, qua báo cáo của Kinh lược sứ Bắc Kỳ gửi cho Thông sứ Bắc Kỳ (báo cáo ngày 17 tháng 8 năm 1891). Lúc đầu bọn chúng chưa tin, nghi là mưu kế của nghĩa quân, nên bắt giam cả nhà ông, kể cả bà cụ thân mẫu ông; các hào lý làng Trình Phố quê hương của ông cũng bị bắt giam và tịch thu tài sản, cốt buộc họ phải bắt ông nộp cho chúng. "Một người tận trung, cả làng bị giày xéo. Cái nọc độc văn minh quá lắm thay!", đó là lời kết án nghiêm khắc của nhà yêu nước Phan Bội Châu khi viết Việt Nam vong quốc sử (1905) [9, tr.88].

Nguyễn Quang Bích mất đi, đó là một tổn thất nặng nề cho nghĩa quân Tây Bắc nói riêng, cho phong trào yêu nước chống Pháp xâm lược trong cả nước nói chung. Nhưng cuộc kháng chiến của nhân dân Tây Bắc vẫn tiếp tục phát triển dưới quyền thống lĩnh của Đề Kiêu và Đốc Ngừ, cả hai ông đều đặt dưới sự chỉ huy chung của Tổng Duy Tân. Tổng Duy Tân đã được phong tước Tổng đốc quân vụ đại thần có toàn quyền chỉ đạo phong trào chống Pháp ngoài Bắc.

Đốc Ngừ lúc này giữ chức Phó tướng đạo Hà Ninh (Hà Nội – Ninh Bình) đến ngày 7 tháng 8 năm 1892, ông bị giặc Pháp và tay sai mưu sát, các toán quân của ông trên đường tan rã, có nhiều toán đã sáp nhập vào lực lượng của Đề Kiêu. Nhưng chỉ mấy tháng sau lại đến lượt Đề Kiêu lúc đó giữ chức Phó tướng đạo Tam Tuyên (Sơn Tây – Hưng Hóa – Tuyên Quang) ra hàng giặc Pháp (ngày 19 tháng 7 năm 1892). Phong trào Cần Vương ngoài Bắc đến đây có thể xem như đã chấm dứt.

Có thể nói, các thủ lĩnh châu, mừng vùng Tây Bắc tiêu biểu nhất là Đèo Văn Trì và Nguyễn Quang Bích đã tích cực hưởng ứng Chiêu cần Vương chống Pháp; đặc biệt, Đèo Văn Trì, Nguyễn Quang Bích còn cùng với Tôn Thất Thuyết sang Trung Quốc cầu viện chống Pháp, nhưng không thành công. Nguyên nhân thất bại là do triều đình phong kiến Mãn Thanh đã ký với thực dân Pháp Hiệp định Thiên Tân ngày 9.6.1885, chấm dứt quyền "Thiên triều" của Trung Quốc đối với Việt Nam, thực hiện triệt thoái các lực lượng quân sự về nước, thừa nhận quyền "bảo hộ" của Pháp trên toàn cõi Việt Nam.

3. KẾT LUẬN

Thượng thư Bộ binh Tôn Thất Thuyết cùng với vua Hàm Nghi là đại diện tiêu biểu cho phe chủ chiến trong triều đình phong kiến Nguyễn. Toàn bộ cuộc đời sự nghiệp của Ông luôn toát nên tinh thần kiên định kháng Pháp, đặc biệt là giai đoạn từ sau sự kiện cuộc phản công ở kinh thành Huế đêm ngày 4 rạng sáng ngày 5 tháng 7 năm 1885 cho đến khi mất ở Trung Quốc ngày 22 tháng 9 năm 1913.

Có thể nói Thượng thư Bộ binh Tôn Thất Thuyết không chỉ là “linh hồn” của phong trào Cần Vương chống Pháp cuối thế kỷ XIX ở Việt Nam nói chung, mà Ông còn trực tiếp vận động các tù trưởng, tộc trưởng người dân tộc thiểu số ở Tây Thanh Hóa, Tây Bắc nổi dậy chống Pháp hưởng ứng chiếu Cần Vương. Nhờ vậy, mà phong trào chống Pháp ở Tây Thanh Hóa và Tây Bắc phát triển mạnh mẽ liên tục, cuốn hút được đông đảo tù trưởng, tộc trưởng các dân tộc thiểu số trong vùng tham gia. Kết quả cuối cùng tuy không giành được thắng lợi, nhưng hoạt động cứu nước của Tôn Thất Thuyết và phong trào Cần Vương ở Tây Thanh Hóa, Tây Bắc đã làm cho thực dân Pháp phải mất nhiều thời gian (gần 30 năm), tổn hao nhiều xương máu mới có thể thôn tính được cả nước Việt Nam.

Qua thực tế hoạt động chống Pháp của Tôn Thất Thuyết, cùng phong trào Cần Vương ở miền Tây Thanh Hóa và Tây Bắc đã để lại cho dân tộc ta nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về: nhân tố thời cuộc, vấn đề đoàn kết nội bộ, về tương quan so sánh lực lượng giữa ta và địch; đặc biệt, phong trào muốn đi đến giành được thắng lợi thì nhân tố có tính chất quyết định nhất là phải có sự lãnh đạo của giai cấp tiên tiến và đường lối cách mạng đúng đắn soi đường chỉ lối cho phong trào.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (2007), *Lịch sử Việt Nam từ thời cổ đại đến thế kỷ XIX*, Nxb Văn hóa Thông tin.
2. (1972) Ban dân tộc Khu tự trị Tây Bắc: *Nhân dân các dân tộc Tây Bắc chống thực dân Pháp xâm lược (1858–1930)*, Ban dân tộc khu tự trị Tây Bắc ấn hành.
3. (1999) Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lai Châu, tập I*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. (2000) Ban Tuyên giáo huyện ủy Mộc Châu: *Lịch sử Mộc Châu từ nguồn gốc đến năm 2000 (Bản Sơ thảo)*, Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo huyện ủy Mộc Châu.
5. (1974) Ty văn hoá Vĩnh Phú: *Địa Chí tỉnh Hưng Hoá (Bản dịch của Nguyễn Xuân Lân)*, Ty văn hóa Vĩnh Phú ấn hành
6. Đinh Trần Dương (2002): *Sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Trần Bá Đệ (2002): *Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến nay*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

8. Đinh Xuân Lâm (1998): *Dại cương lịch sử Việt Nam*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Phạm Văn Lực (2011): *Một số vấn đề lịch sử và văn hóa Tây Bắc (tập 1)*, Nxb Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
10. Phạm Văn Lực (2012): *Lịch sử Tây Bắc từ nguồn gốc đến năm 2000*. Đề tài cấp Bộ – Mã số TB – 03 – 2012, Tài liệu lưu tại Trung tâm Thông tin – Thư viện Trường Đại học Tây Bắc.
11. Phạm Văn Lực, Lò Văn Nét (2018): *Sự cần thiết phải thay đổi tên gọi một số dân tộc và nhóm dân tộc ở Tây Bắc*, Tạp chí khoa học Trường Đại học Tây Bắc số 13 (6/2018).
12. Dương Kinh Quốc (2001): *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858 – 1919)*, Nxb Giáo dục.
13. Trần Văn Giàu (1957): *Chống xâm lăng*, Nxb Xây dựng, Hà Nội.
14. Trần Huy Liệu (1957): *Tài liệu tham khảo lịch sử Cận đại Việt Nam*, Nxb Văn – Sử – Địa, Hà Nội.
15. (2005) UBND tỉnh Thừa Thiên Huế: *Địa chí Thừa Thiên Huế – Phần Lịch sử Thừa Thiên Huế*, Nxb Khoa học Xã hội.
16. Phạm Văn Sơn. *Việt Nam cách mạng cận sử*, Sài Gòn, Khai Trí phát hành, 1963.
17. Trần Văn Thịnh (2016): *Văn quan, võ tướng Xứ Thanh*, Nxb Thế Giới .
18. ສາມ ເປີ ມອນ ມອນ ຂ້າ Quam tô mường (Muong story telling) of Muong La mountain district (translation of Hoang Tran Nghich – Son La city).
19. ສາມ ເປີ ມອນ ມອນ ພັກຊາ Quam tô mường (Muong story telling) of Muong Muoi mountain district – Thuan Chau (translation of Luong Vuong Chung – Thuan Chau town, Son La province).
20. ສາມ ເປີ ມອນ ມອນ ກາວ Quam tô mường (Muong story telling) of Muong Sang commune, Moc Chau district, Son La province (translation of Sa Phong, Na Nga village, Muong Sang commune, Moc Chau district, Son La province).
21. ສາມ ເປີ ມອນ ມອນ ມ້າ Quam tô mường (Muong story telling) of Muong Mua mountain district (Mai Son district, Son La province (translation of Luong Vuong Chung – Thuan Chau town, Son La province a).
22. ສາມ ເປີ ມອນ ມອນ ຂໍ Quam tô mường (Muong story telling) of Muong Lo mountain district, Yen Bai province (translation of Hoang Tran Nghich – Son La city).
23. Pierebrocheux et Daniel Hèmery: Indochine la colonisation amigue (1858–1954).

TON THAT THUYET By the ANTI-FRENCH MOVEMENT IN TAY THANH HOA AND
THE NORTHWEST FROM 1885 TO 1896

Pham Van Luc, Le Thi Tra

Abstract: Ton That Thuyet was the "soul" of the Can Vuong movement in Vietnam at the end of the 19th century. He twice represented King Ham Nghi at Can Vuong edict, the first time in Tan So (Quang Tri) on July 13, 1885, the second time on September 20, 1885 in Huong Khe (Ha Tinh). From then on, the Can Vuong movement developed strongly and spread throughout the North and Central States. He was also the person who directly mobilized ethnic minority chiefs and patriarchs in the Western Thanh Hoa and Northwest regions to rebel against the French in response to King Ham Nghi's Can Vuong edict.

To clarify the above issue, the article focuses on clarifying the following ideas: Some details about Ton That Thuyet's career background; Ton That Thuyet directly mobilized ethnic minority chiefs and patriarchs in Western Thanh Hoa and the Northwest to rebel against the French to enjoy the Can Vuong edict at the end of the 19th century. On that basis, the article also draws some conclusions about Ton That Thuyet and the anti-French movement in Western Thanh Hoa and the Northwest during this period.

Keywords: Ton That Thuyet, Chief, Patriarch, Thanh Hoa, Northwest

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 02-3-2025; ngày phản biện đánh giá: 20-3-2025;
ngày chấp nhận đăng: 16-4-2025)